

TÌNH HÌNH NHIỄM HPV Ở NHỮNG PHỤ NỮ ĐẾN KHÁM TẠI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ

Hồ Thị Phương Thảo, Lê Minh Toàn, Đinh Thị Phương Minh, Phan Thị Hồng Ngọc, Trần Thị Kim Anh, Trần Thị Sơn Bằng

Tóm tắt

Mục tiêu: Xác định tỉ lệ nhiễm HPV của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Trung ương Huế. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** thiết kế nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 235 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, đã có quan hệ tình dục đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Trung ương Huế từ tháng 1 năm 2011 đến tháng 12 năm 2011. Những người phụ nữ này được khám phụ khoa, lấy tế bào cổ tử cung và làm xét nghiệm PCR. **Kết quả:** Tỷ lệ nhiễm HPV chiếm 19,57%, trong các chủng HPV được tìm thấy, nhóm nguy cơ cao chiếm đa số với 56,1% đặc biệt là các type 18, 16, 58 và chủ yếu là nhiễm phối hợp 2 type (43,48%). Nhóm tuổi có tỷ lệ nhiễm HPV cao là từ 40-49, không gặp trường hợp nào ở nhóm tuổi <20 và >60. Tỷ lệ nhiễm HPV cao ở nhóm phụ nữ nông thôn, thấp ở thành thị và không có sự khác biệt về tỷ lệ nhiễm theo nghề nghiệp. Trong số những phụ nữ HPV (+), kết quả tế bào học: 41,30% viêm nhiễm và 34,78% Lsil, soi CTC: 36,96% viêm lộ tuyến và 23,91% nghi ngờ K CTC xâm lấn. **Kết luận:** Tỷ lệ nhiễm HPV chiếm 19,57%, nhóm nguy cơ cao chiếm đa số. Tế bào học của nhóm HPV (+) có 41,30% viêm nhiễm và 34,78% Lsil. Ở nhóm HPV (+) có 23,91% hình ảnh nghi ngờ K CTC xâm lấn.

Abstract:

Prevalence of Human Papillomavirus in Reproductive Women examined in Hue Central Hospital

Objectives: To detect the prevalence of HPV in reproductive women who attended gynecologic out-patient section at Hue Central Hospital. **Materials and methods:** the cross-sectional study in 235 sexually active women who attended gynecologic out-patient section at Hue Central Hospital from January 2011 to December 2011. These women had gynecologic examinations, taken pap-smear and PCR testing. **Results:** HPV infection detected with PCR technique in 19,57%, most often in the age group 40-49. High risk HPV types are 56,1%, especially type 16, 18, 58. Co-infected with 2 types: 43,48%. The infection of different HPV types differs in region, non-differs in career. **Conclusion:** HPV infection detected with PCR technique: 19,57% and most of them are high-risk groups. Cytology of HPV group (+) is cervicitis (41.30%) and LSIL (34.78%). In the group of HPV (+), 23.91% suspected cervical cancer invasion.

Khoa Phụ Sản Bệnh viện Trung ương Huế

Đặt vấn đề

Ung thư cổ tử cung (CTC) hiện đứng hàng thứ hai trong số các ung thư của phụ nữ trên

thế giới. Hằng năm có khoảng 520.000 trường hợp ung thư cổ tử cung mới mắc trên toàn thế giới gây tử vong trên 274.000 trường hợp.

TẠP CHÍ PHỤ SẢN - 10(3), 187-191, 2012

Ước tính cứ mỗi 2 phút có 1 phụ nữ chết vì ung thư cổ tử cung trên thế giới

Cho đến nay, HPV được xác định là nguyên nhân hàng đầu gây ra ung thư cổ tử cung vì ADN của vi rút hiện diện trong hầu hết các mẫu mô ung thư cổ tử cung. Các nghiên cứu bệnh chứng cho thấy 99,7%-100% các trường hợp ung thư cổ tử cung có xét nghiệm ADN vi rút HPV dương tính so với 5%- 12% ở nhóm chứng không có ung thư cổ tử cung. Bên cạnh đó, nhiễm kéo dài các týp HPV có thể sẽ phát triển tới các tổn thương trong biểu mô CTC ở nhiều mức độ khác nhau. Khả năng diễn tiến đến ung thư cổ tử cung gấp 250 lần ở những trường hợp nhiễm HPV kéo dài so với người không bị nhiễm.

Đã có rất nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước tìm hiểu về dịch tễ học và vai trò gây bệnh của HPV, đặc biệt là khả năng sinh ung thư CTC. Từ một phân tích gộp của 78 nghiên cứu trên thế giới đã ước tính tỷ lệ nhiễm HPV hiệu chỉnh chung trên toàn thế giới khoảng 10% (khoảng tin cậy 95% 10,2-10,7). Khi ước tính riêng cho từng vùng thì Châu Phi hiện có tỷ lệ mắc bệnh cao nhất khoảng 22%, Trung Mỹ 20,4%, Bắc Mỹ 11,3%, Châu Âu 8,1% và Châu Á 8% và týp thường gặp nhất là 16, 18 (5). Tỷ lệ nhiễm HPV và sự phân bố các týp nguy cơ rất khác nhau tùy thuộc vào vùng địa lý và dân số nghiên cứu.

Tại Việt Nam, cũng có những nghiên cứu về dịch tễ học của HPV điển hình là các nghiên cứu sau. Nguyễn Trọng Hiếu và cộng sự phối hợp với WHO năm 2002 phát hiện HPV bằng thử nghiệm PCR AND trên những phụ nữ bình thường, cho thấy tỉ lệ nhiễm HPV ở một quận nội thành TP HCM là 10,9% và ở Hà Nội là 2%. Do vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này nhằm 2 mục tiêu:

1. Xác định tỷ lệ nhiễm và định danh type HPV ở các phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Trung ương Huế.

2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan tới tình hình nhiễm HPV.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang .

Đối tượng nghiên cứu

Gồm 235 phụ nữ đã có quan hệ tình dục đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Trung ương Huế trong thời gian từ tháng 1/2011 đến hết tháng 12/2011

Tiêu chuẩn chọn bệnh:

– Phụ nữ đã có quan hệ tình dục trong độ tuổi từ 18 - 69.

– Đồng ý tham gia nghiên cứu sau khi được giải thích mục đích nghiên cứu.

– Có trạng thái tinh thần bình thường và tình trạng sức khỏe cho phép tiến hành cuộc phỏng vấn.

Tiêu chuẩn loại trừ: Loại ra khỏi nghiên cứu những đối tượng có một trong các tiêu chuẩn sau:

– Phụ nữ có bệnh tâm thần.

– Phụ nữ có thai.

– Đang có bệnh lý cấp cứu.

– Không đủ điều kiện lấy bệnh phẩm như đang ra máu âm đạo, đang đặt thuốc âm đạo, hoặc đang viêm cấp âm đạo CTC...

Thu thập số liệu: Các đối tượng thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu được giải thích rõ mục tiêu nghiên cứu và ký tên vào bảng đồng thuận tham gia nghiên cứu. Sau đó được phỏng vấn qua bảng thu thập số liệu và khám phụ khoa cho chẩn đoán lâm sàng và phết CTC lấy mẫu làm xét nghiệm PCR ADN HPV. Định type HPV nếu dương tính.

Xử lý và phân tích số liệu: sử dụng phần mềm SPSS

Kết quả

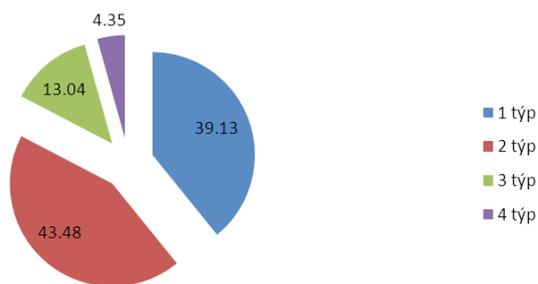
1. Tỷ lệ nhiễm HPV ở các đối tượng nghiên cứu

| Nhiễm HPV | n | Tỷ lệ %/ 84 lượt nhiễm HPV | Tỷ lệ %/ 46 phụ nữ nhiễm HPV |
|----------------|----------------------------------|-------------------------------------|--|
| HPV (-) | 189 (80,43%) | | |
| HPV (+) | 46/235 (19,57%) | | |
| 6 | 6 | 7,1 | 13,0 |
| 11 | 19 | 22,6 | 41,3 |
| 16 | 18 | 21,4 | 39,1 |
| 18 | 11 | 13,1 | 23,9 |
| 31 | 1 | 1,2 | 2,2 |
| 35 | 1 | 1,2 | 2,2 |
| 39 | 1 | 1,2 | 2,2 |
| 42 | 1 | 1,2 | 2,2 |
| 45 | 3 | 3,6 | 6,6 |
| 51 | 1 | 1,2 | 2,2 |
| 58 | 10 | 12,0 | 22,0 |
| 59 | 1 | 1,2 | 2,2 |
| 66 | 1 | 1,2 | 2,2 |
| 81 | 9 | 10,6 | 19,6 |
| Tổng | 235 | 100,0 | |

Tỷ lệ nhiễm HPV chung là 19,57%. Các type nguy cơ cao: 16, 18, 31, 35, 39, 45, 51, 58, 59 chiếm đa số, tỷ lệ là 56,1%

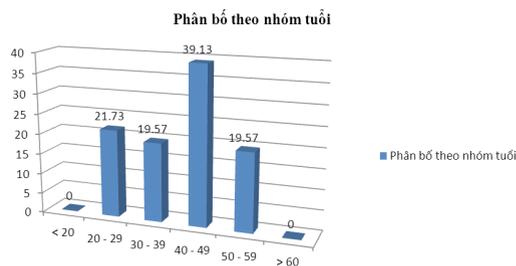
Tình hình nhiễm phối hợp các type

Nhiễm phối hợp các type



Nhiễm phối hợp 2 type chiếm tỷ lệ cao nhất.

Liên quan giữa nhiễm HPV với nhóm tuổi



Nhóm tuổi 40-49 chiếm tỷ lệ cao nhất trong số những phụ nữ HPV (+).

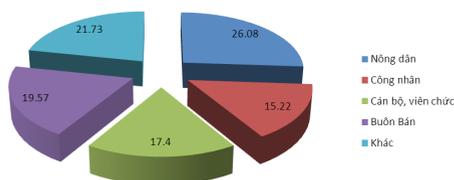
Phân bố HPV theo địa dư

| Khu vực sinh sống | HPV (+) / tổng số phụ nữ | Tỷ lệ % |
|-------------------|--------------------------|--------------|
| Thành thị | 19/137 | 13,87 |
| Nông thôn | 27/98 | 27,55 |
| Tổng | 46/235 | 19,57 |

Những phụ nữ sống ở nông thôn chiếm tỷ lệ cao hơn.

Phân bố theo nghề nghiệp

Phân bố theo nghề nghiệp



Nhiễm HPV phân bố đều ở các ngành nghề Theo kết quả tế bào học

| Tế bào học | Số HPV (+) | Tỷ lệ % |
|--------------------------|------------|---------------|
| Lành tính | 4 | 8,70 |
| Viêm nhiễm | 19 | 41,30 |
| Thiếu dưỡng | 2 | 4,35 |
| Ascus | 3 | 6,52 |
| Lsil | 16 | 34,78 |
| Chưa phát hiện tế bào lạ | 2 | 4,35 |
| Tổng | 46 | 100,00 |

Nhận xét: Những phụ nữ HPV (+) có tế bào học viêm nhiễm và Lsil chiếm tỉ lệ cao nhất.

Theo kết quả soi Cổ tử cung

| Soi CTC | Số HPV (+) | Tỉ lệ % |
|--------------------------|------------|--------------|
| Bình thường | 6 | 13,04 |
| Viêm CTC | 22 | 47,83 |
| Nghi ngờ ung thư xâm lấn | 11 | 23,91 |
| Thiếu dưỡng | 4 | 8,70 |
| U nhú | 3 | 6,52 |
| Tổng | 46 | 100,00 |

Những phụ nữ HPV (+) có hình ảnh Viêm lộ tuyến và nghi ngờ K CTC xâm lấn chiếm tỉ lệ cao nhất.

Bàn luận

Về tỷ lệ nhiễm HPV

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ nhiễm HPV phát hiện bằng kỹ thuật PCR là 19,57%. So với kết quả nghiên cứu của Lê Minh Nguyệt (2002), tỷ lệ nhiễm HPV ở phụ nữ bình thường là 9,2%, một kết quả khác của tác giả Lê Trung Thọ khi khảo sát tại Hà Nội năm 2008 cho thấy tỷ lệ nhiễm HPV là 5,3%, của Trần Thị Lợi (2009) ở Thành phố Hồ Chí Minh Là 10,84%. Tỷ lệ nhiễm HPV trong nghiên cứu này cao hơn so với ước đoán của TCYTTG về tỷ lệ nhiễm HPV ở các nước đang phát triển (khoảng 15%). Sở dĩ như vậy vì các tác giả đó đều nghiên cứu ở cộng đồng còn nghiên cứu của chúng tôi lại tiến hành ở bệnh viện, những phụ nữ đến khám đa phần đều có bệnh lý về phụ khoa nên nguy cơ nhiễm HPV cũng cao hơn.

Về tỷ lệ các type HPV nguy cơ cao và thấp

Trong nghiên cứu này, các type chiếm tỉ lệ cao là : 6, 11, 16, 18, 58. Trong đó nhóm nguy cơ cao gặp nhiều nhất với 56,1%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đương với kết quả nghiên cứu của tác giả Vũ Thị Nhung, Trương Thị Lợi. Theo các tác giả trong nước

và nước ngoài, có >30 type HPV gây nhiễm khuẩn đường sinh dục và 15 trong số các type HPV được coi là gây ung thư cổ tử cung và có các tổn thương nội biểu mô độ cao (type 16, 18, 31, 33, 45). Kết quả nghiên cứu cho thấy phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Trung ương Huế nhiễm các type HPV nguy cơ cao là khá phổ biến, đặc biệt là các type 16, 18 và 58 và nguy cơ ung thư cổ tử cung ở những phụ nữ này rất lớn vì theo các tác giả trong và ngoài nước, các type HPV nguy cơ cao là nguyên nhân trực tiếp gây ung thư cổ tử cung.

Về phân bố nhiễm HPV theo tuổi

Trong nghiên cứu của chúng tôi, nhóm tuổi nhiễm HPV nhiều nhất 40-49, không gặp ở nhóm tuổi <20 và >60. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có sự khác biệt với kết quả nghiên cứu của tác giả Vũ Thị Nhung. Theo tác giả này, tỷ lệ nhiễm HPV cao nhất ở khoảng tuổi <20 (20%) và khoảng tuổi 35-49, ở nhóm tuổi trên 60 vẫn gặp nhưng với tần suất thấp. Ở tác giả Lê Trung Thọ, nhóm tuổi 20-29 có tỉ lệ nhiễm HPV cao nhất, còn theo Trần Thị Lợi thì nhóm 30-39 chiếm tỉ lệ cao nhất. Có sự khác biệt này vì các phụ nữ đến khám với chúng tôi ở độ tuổi trung niên chiếm phần đông nên khả năng phát hiện HPV (+) cũng nhiều hơn các độ tuổi khác.

Về các yếu tố liên quan khác

Trong nghiên cứu này, hầu hết số phụ nữ bị nhiễm HPV phối hợp nhiều type, trong đó nhiễm 2 type chiếm tỉ lệ cao nhất (43,48%). Số phụ nữ nhiễm 4 type trở lên rất hiếm. Kết quả này có khác so với kết quả của Vũ Thị Nhung và một số tác giả khác (tỉ lệ phụ nữ nhiễm đơn type cao hơn so với đa type).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có sự khác biệt về tỷ lệ nhiễm HPV ở các nhóm đối tượng nông thôn, thành thị. Điều này cũng tương tự với nghiên cứu của một số tác giả khác. Tuy nhiên tỉ lệ nhiễm HPV trong nghiên cứu của chúng tôi gần như không có sự khác biệt về nghề nghiệp.

Về liên quan giữa nhiễm HPV với kết quả tế bào học và soi CTC

Nghiên cứu của chúng tôi trên tổng số 235 người đến khám phụ khoa có 46 phụ nữ nhiễm HPV. Trong đó, kết quả tế bào học của nhóm HPV (+) có tới 41,30% viêm nhiễm và 34,78% Lsil, còn kết quả soi CTC thì viêm lộ tuyến và nghi ngờ K CTC xâm lấn chiếm tỉ lệ cao hơn cả (36,96% và 23,91%).

Kết luận

Từ 46 phụ nữ nhiễm HPV trong tổng số 235 người đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Trung ương Huế, chúng tôi rút ra kết luận sau :

– Tỷ lệ nhiễm HPV chiếm 19,57%, trong các chủng HPV được tìm thấy, nhóm nguy cơ cao chiếm đa số với 56,1% đặc biệt là các type 18, 16, 58 và chủ yếu là nhiễm phối hợp 2 type (43,48%)

– Nhóm tuổi có tỷ lệ nhiễm HPV cao là từ 40-49, không gặp trường hợp nào ở nhóm tuổi <20 và >60. Tỷ lệ nhiễm HPV cao ở nhóm phụ nữ nông thôn, thấp ở thành thị và không có sự khác biệt về tỷ lệ nhiễm theo nghề nghiệp.

– Kết quả tế bào học của nhóm HPV (+) có tới 41,30% viêm nhiễm và 34,78% Lsil, còn kết quả soi CTC thì viêm lộ tuyến và nghi ngờ K CTC xâm lấn chiếm tỉ lệ cao hơn cả (36,96% và 23,91%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2007), Sản phụ khoa, Nxb Y học, Hà Nội, tr.580-588.
2. De Sanjose S, Diaz M, Castellsague X, et al (2007). Worldwide prevalence and genotype distribution of cervical human papillomavirus DNA in women with normal cytology. *Lancet Infect Dis*; 7:453
3. Franco EL, Duarte-Franco, et al (2001). Epidemiology, prevention and the role of human papillomavirus infection. *CMAJ*. 164: 1017-25
4. Green JB et al (2003). Human Papillomavirus infection and use of oral contraceptives. *British Journal of cancer*. 88(11): 1713-1720.
5. Lê Trung Thọ (2008), Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm HPV ở cộng đồng phụ nữ Hà Nội, tìm hiểu một số yếu tố liên quan.
6. Nguyễn Chấn Hùng, Eric Suba và cộng sự (2001). Một số nhận định về dịch tế học của CIN- Ung thư cổ tử cung trong chương trình tầm soát ung thư cổ tử cung Việt Mỹ, Hội thảo Việt Pháp 2001, 21-31.
7. Scheurer ME (2005). Human papillomavirus infection: biology, epidemiology, and prevention. *Int Gynecol Cancer*. 15: 727-746.
8. Trần Thị Lợi (2009), Tỷ lệ nhiễm Human Papiloma virus và các yếu tố liên quan của phụ nữ từ 18 đến 69 tuổi tại TP. HCM.
9. Vũ Thị Nhung (2006). Khảo sát tình hình nhiễm các type HPV ở phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh bằng kỹ thuật sinh học phân tử. Đề tài cấp sở, 55.